

KHẢO SÁT LỖI BIÊN DỊCH CỤM DANH TỪ KINH TẾ THƯƠNG MẠI ANH - VIỆT VÀ VIỆT - ANH TRONG CÁC BÀI BÁO KINH TẾ THƯƠNG MẠI

NGUYỄN THỊ THỦY CHUNG *

Tóm tắt: Cụm danh từ đóng vai trò quan trọng và xuất hiện với tần suất lớn trong các câu tiếng Anh cũng như tiếng Việt. Vì vậy, người học hiểu được ý nghĩa của cụm danh từ trong câu sẽ giúp hiểu được nội dung và ý nghĩa của câu dễ dàng hơn. Tuy nhiên, cấu trúc cụm danh từ tiếng Anh và tiếng Việt đều có cấu tạo khá phức tạp, gồm nhiều yếu tố cấu thành và nhiều tầng bậc. Trong bài viết này, tác giả sẽ xác định các lỗi phổ biến (dưới góc độ cú pháp) của sinh viên năm thứ 3, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại trong việc dịch cụm danh từ Anh - Việt và Việt - Anh trong các bài báo kinh tế thương mại. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu lỗi chuyển dịch cụm danh từ Anh - Việt và Việt - Anh.

Từ khóa: Lỗi, cụm danh từ, kinh tế thương mại, tiếng Anh, tiếng Việt.

Abstract: Noun phrases play an important role and appear with great frequency in English as well as Vietnamese sentences. Therefore, the learners who understand the meanings of the noun phrases in sentences will help understand the contents and meanings of the sentences more easily. However, the structures of English and Vietnamese noun phrases are quite complex, including many constituents and many levels. In this article, the author will find out common errors (from a syntactic perspective) of 3rd year students of the English Faculty of Thuongmai University in translating noun phrases from English to Vietnamese and vice versa in business

and economic articles. Thereby, we propose some solutions to minimize the errors in translating noun phrases from English to Vietnamese and vice versa.

Keywords: Errors, noun phrases, business and economics, English, Vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Celce-Murcia, Brinton và Snow [5] cho rằng, ngày nay, quá trình toàn cầu hóa đã khiến cho nhu cầu phát triển giao tiếp bằng văn bản giữa các ngôn ngữ và các nền văn hóa không chỉ là có thể mà còn là điều thiết yếu trong lĩnh vực kinh doanh, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Tiếng Anh hiện đang được coi là một công cụ giao tiếp hữu hiệu toàn cầu, vì vậy, khi nhận thấy vai trò quan trọng của tiếng Anh, nhiều người đã cố gắng học thứ ngôn ngữ này. Tuy nhiên, giống như việc học các ngôn ngữ khác, người học tiếng Anh gặp phải rất nhiều khó khăn. Theo Brown [4], việc học một ngôn ngữ thứ hai là cả một quá trình lâu dài và phức tạp bởi có nhiều biến thể khác nhau

* TS - Trường Đại học Thương mại; Email: thuychungltd@gmail.com

xuất hiện trong quá trình tiếp nhận nó. Chính vì điều đó, một người sẽ mất nhiều năm học tập, thực hành để thụ đắc tiếng Anh như là một ngoại ngữ. Một trong những khó khăn người học đối mặt trong quá trình học tiếng Anh là khả năng hiểu được những câu được viết trong sách, tạp chí và các bài báo. Nhiều người không có khả năng đọc hiểu và chuyển dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích tốt và ngược lại, bởi họ không thể hiểu sâu các cụm từ trong tiếng Anh như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, cụm trạng từ, cụm giới từ,... Một cụm từ có chứa các từ trong một nhóm và có những chức năng nhất định trong câu.

Cụm danh từ tiếng Anh có thể xuất hiện ở hầu hết mỗi câu bởi vì một câu tiếng Anh thường gồm có một cụm động từ và một cụm danh từ. Cấu trúc của cụm danh từ tiếng Anh khác so với tiếng Việt, sự khác biệt đó gây khó khăn, nhầm lẫn cho người Việt học tiếng Anh và ngược lại. Người học có thể dịch các cụm danh từ tiếng Anh dựa trên cấu trúc và đặc điểm của danh từ tiếng Việt. Vì vậy, sẽ càng khó khăn cho họ khi tiếp cận với nhiều loại cụm danh từ tiếng Anh khác nhau, dẫn đến người học có thể dễ dàng hiểu sai văn bản.

Với những lý do trên, tác giả bài viết tiến hành khảo sát các lỗi biên dịch phổ biến của sinh viên năm thứ 3, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại trong việc chuyển dịch cụm danh từ trong các bài báo, bài tạp chí kinh tế thương mại Anh - Việt và Việt - Anh. Bài viết hướng tới việc xác định các lỗi chuyển dịch cụm danh từ phổ biến dưới góc độ cú pháp. Kết quả nghiên cứu hy vọng giúp sinh viên hiểu sâu hơn về cụm danh từ trong hai ngôn ngữ và lỗi

phổ biến của sinh viên khi chuyển dịch, theo đó có thể cải thiện được kỹ năng dịch thuật.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm cụm danh từ

Aarts và Aarts [3] cho rằng, cụm danh từ được coi như một cụm từ có danh từ chính (head noun) trong đó danh từ chính là yếu tố cấu thành bắt buộc duy nhất của nó. Danh từ chính của cụm danh từ được định nghĩa như là thành phần quan trọng của cụm danh từ. Theo Gomez [6], việc hình thành cụm danh từ luôn có tính tăng bậc bởi một số yếu tố phụ có thể được bổ sung vào yếu tố danh từ chính để tạo thành hai cấu trúc cụm danh từ phổ biến: cụm danh từ cơ sở và cụm danh từ phức (ví dụ: *the **role** and the instrumental **role** in meditating the impacts of EPPs on export performance*). Qua ví dụ này có thể thấy một số yếu tố phụ của cụm danh từ có thể đứng trước hoặc đứng sau danh từ chính “*role*”. Những yếu tố này có thể có nhiều sự kết hợp đa dạng trong cụm danh từ để tạo ra các đặc điểm cấu trúc khác nhau.

2.2. Cấu trúc cụm danh từ

Theo Greenbaum và Quirk [7], một cụm danh từ có thể có ba thành phần cơ bản, gồm danh từ chính (head noun), bổ nghĩa trước (premodification) và bổ nghĩa sau (postmodification). Bổ nghĩa trước bao gồm tất cả các yếu tố được đặt ở phía trước danh từ chính như: từ hạn định (determiners), tính từ (adjectives) và danh từ (nouns). Bổ nghĩa sau bao gồm tất cả các yếu tố được đặt phía sau danh từ chính gồm: cụm giới từ (prepositional phrases), mệnh đề không xác định (non-finite clauses) và mệnh đề quan hệ (relative clauses). Bổ nghĩa trước thường chứa các thông tin với những nét đặc trưng nổi bật, trong khi bổ nghĩa sau

thường có dạng mệnh đề quan hệ hay mệnh đề không xác định nên thông tin trong bổ nghĩa sau có xu hướng không xác định như thông tin ở bổ nghĩa trước.

Jonsson [8] cho rằng, các đại từ và trạng từ quan hệ phổ biến nhất trong mệnh đề quan hệ gồm “which, who, whose, when, why, where, that, whom” và các mệnh đề không xác định có thể được nhận dạng thông qua phân từ hiện tại “-ing” và phân từ quá khứ “-ed” hoặc động từ nguyên thể có “to”. Một danh từ chính có thể có một hoặc nhiều hơn một bổ nghĩa trước hoặc bổ nghĩa sau. Cấu trúc của cụm danh từ được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Cấu trúc của cụm danh từ [dẫn theo [7]]

CỤM DANH TỪ				
Từ giới hạn	Từ hạn định	Bổ nghĩa trước	Danh từ chính	Bổ nghĩa sau
Cụm trạng từ	Từ hạn định	Cụm tính từ	Danh từ	Cụm giới từ
		Cụm trạng từ	Đại từ	Mệnh đề
		Cụm danh từ	Biểu thức	
Only	the	positive	effect	on organizational structures and customer satisfaction

Theo quan điểm ngữ pháp của Gomez [6] thì từ hạn định là yếu tố phụ thuộc lớn nhất trong cụm danh từ bởi yếu tố này bắt buộc xuất hiện trong nhiều trường hợp (*the strategy*, *a strategy*). Từ hạn định gồm có tiền hạn định (*both these issues*) và hậu hạn định (*the many bank's services*). Ngoài từ hạn định, bổ nghĩa phía trước cũng là các yếu tố không bắt buộc trong cụm danh từ, bởi sự xuất hiện hay không xuất hiện của chúng không ảnh hưởng đến yếu tố ngữ pháp của cụm danh từ. Mục đích của chúng chỉ nhằm phân loại và xác định danh từ chính.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết với mục đích khảo sát các lỗi

phổ biến của sinh viên Khoa Tiếng Anh trong việc biên dịch cụm danh từ Anh - Việt và Việt - Anh trong các bài tập chí kinh tế thương mại, để đạt được mục đích này, ngữ liệu đã được thu thập trong tháng 11 năm 2023. Ngữ liệu nghiên cứu bao gồm 30 bài dịch Anh - Việt và 30 bài kiểm tra giữa kỳ dịch Việt - Anh được thu thập từ 2 lớp học phần của sinh viên năm thứ 3 Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại. Nội dung bài dịch được lấy từ tạp chí có uy tín: *Tạp chí Khoa học Thương mại* của Trường Đại học Thương mại và *Journal of Business Economics and Management (Tạp chí Kinh tế và Quản lý Kinh doanh)* của

Trường Đại học Kỹ thuật Vilnius Gediminas (Vilnius Gediminas Technical University, Vilnius, Lithuania). Tác giả chọn các bài thi này làm đối tượng nghiên cứu bởi các lý do sau:

Thứ nhất, sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại là khách thể đã có trình độ tiếng

Anh và kinh tế thương mại khá tốt, trong tương lai không xa họ sẽ sử dụng tiếng Anh (kiến thức và kỹ năng) để hành nghề.

Thứ hai, lựa chọn bài kiểm tra giữa kỳ này là thiết thực vì sinh viên phải nỗ lực tối đa để thể hiện bản thân. Theo đó, họ có thể hạn chế việc mắc lỗi ở mức tối đa.

Thứ ba, những lỗi sinh viên thể hiện ở đây mang tính thực tiễn và khách quan cao, phản ánh trung thực mức độ phạm lỗi của người học. Sau khi ngữ liệu được thu thập, tác giả đã chọn 12 bài dịch Anh - Việt và 12 bài dịch Việt - Anh có mức điểm từ 5 - 7 là những bài có mức độ mắc lỗi ở mức

trung bình để tổng hợp, thống kê, phân tích và phân loại các lỗi theo các góc độ cú pháp và ngữ nghĩa.

4. Kết quả nghiên cứu

Sau khi khảo sát và phân tích các lỗi trong 12 bài dịch Anh - Việt và 12 bài dịch Việt - Anh, có thể thấy số lượng sinh viên mắc lỗi biên dịch từ tiếng Việt (ngôn ngữ nguồn) sang tiếng Anh (ngôn ngữ đích) nhiều hơn rất nhiều so với dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Dưới đây là các lỗi phổ biến mà sinh viên năm thứ 3 thường mắc phải.

4.1. Các lỗi biên dịch cụm danh từ Anh - Việt

Khi dịch văn bản kinh tế thương mại từ tiếng Anh sang tiếng Việt, sinh viên chủ yếu mắc các lỗi liên quan đến việc hiểu văn bản và một số lỗi diễn đạt lòng vòng không chính xác.

4.1.1. Lỗi liên quan đến cách hiểu văn bản

Sinh viên đã mắc các lỗi nghiêm trọng trong cách hiểu văn bản, đó là dịch sai hoặc thậm chí ngược hẳn với văn bản gốc.

VD1: “*We examine how choosing the export channel strategies that fit with the internal pool of resources can affect a firm’s performance.*”

“*Chúng tôi xem xét như thế nào để lựa chọn ... với cái hồ nguồn lực bên trong ...*”.

Ở đây, sinh viên đã hiểu ý nghĩa của cấu trúc “*We examine how choosing*” chưa chính xác, hiểu sai nghĩa của từ “*pool*” và dịch từ “*internal*” chưa hoàn toàn chuẩn xác. Dịch đúng: “*Chúng tôi xem xét việc lựa chọn chiến lược kênh xuất khẩu phù hợp với nguồn lực nội bộ có thể ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động của công ty*”.

VD2: “*The application of trade punishments*” được dịch là “*Thực thi lệnh cấm vận về thương mại*”. Sinh viên đã hiểu sai nghĩa của từ “*punishment*” là “sự trừng phạt” chứ không phải là “lệnh cấm vận”. Dịch đúng: “*Thực thi các biện pháp trừng phạt về thương mại*”.

VD3: “*A boom in imports of garments and rice*” được dịch là “*Việc đánh bom đối với hàng may mặc và gạo*”. Sinh viên đã dịch sai hoàn toàn nghĩa của từ “*boom*” bởi họ chưa chú ý đến ngữ cảnh để hiểu đúng nghĩa của từ trước khi biên dịch. Để chính xác, sinh viên phải dịch: “*Sự bùng nổ nhập khẩu hàng may mặc và lúa gạo*”.

4.1.2. Lỗi diễn đạt lòng vòng không chính xác

VD1: “*The domain of EPPs includes giving export information and advice*” - “*Lĩnh vực của EPP bao gồm có đưa ra thông tin và tư vấn xuất khẩu*”. Sinh viên đã mắc lỗi diễn đạt ở từ “*có*” trước cụm danh từ, danh hóa động từ không phù hợp bởi vì người Việt thường dùng từ “*việc*” + “*động từ*” => cụm danh từ hay ngữ danh từ: *việc phát triển, việc cung cấp*. Ngoài ra, từ “*giving*” ở đây nên dịch là *việc cung cấp* sẽ phù hợp hơn. Dịch đúng: “*Lĩnh vực của EPP bao gồm việc cung cấp thông tin và tư vấn xuất khẩu*”.

VD2: “*We measure international experience using the number of years for which the firm has been exporting.*” - “*Chúng tôi đo lường kinh nghiệm quốc tế sử dụng số năm cho nó mà doanh nghiệp đã xuất khẩu*”. Trong trường hợp này, sinh viên lại dịch theo lối diễn đạt lòng vòng, không thêm từ ngữ cho phù hợp với văn phong của người Việt. Trong tiếng Việt, người viết phải sử dụng cụm từ “*bằng việc*”

hoặc “bằng cách” trước danh động từ “using” và bỏ qua cụm từ “cho nó mà” để tránh khó hiểu. Dịch đúng: “Chúng tôi đo lường kinh nghiệm quốc tế bằng cách sử dụng số năm doanh nghiệp/ công ty đã xuất khẩu”.

VD3: “Having principles or rules is better than not having ones”. Với ví dụ này, một số sinh viên khi dịch có lỗi diễn đạt chưa được thuần Việt hay Việt hóa: “Nhiều luật lệ vẫn hơn là không có luật lệ”; “Có quy tắc luật lệ còn hơn không”; “Các nguyên tắc thì tốt hơn không nguyên tắc”; “Những điều luật lại tốt hơn là không có luật lệ”. Trong

trường hợp này, để dịch văn bản thuần Việt hơn, chúng ta nên sử dụng động từ được danh tính hóa “có/ không có + cụm danh từ” ở hai vị trí của chủ ngữ và so sánh: “Có nguyên tắc hoặc quy tắc thì vẫn tốt hơn là không có”.

Có thể thấy rằng, lỗi văn bản dịch Anh - Việt không nhiều, nhưng rõ ràng lỗi trong việc sử dụng cụm danh từ trong tiếng Việt và lồng vào đó là lỗi diễn đạt tiếng Việt cũng đang là vấn đề còn cần được quan tâm đối với sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại, Trường Đại học Thương mại, mặc dù những sinh viên này đã học tiếng

Anh gần 10 năm ở bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông cùng với gần 3 năm học tại bậc Đại học.

4.2. Các lỗi biên dịch cụm danh từ Việt - Anh

Sau khi khảo sát lỗi dịch Việt - Anh của sinh viên năm thứ 3, lỗi phổ biến mà sinh viên thường mắc phải là lỗi trong bản thân chính cụm danh từ, lỗi dùng giới từ đi cùng cụm danh từ, lỗi trong kết hợp các cụm danh từ với nhau.

4.2.1. Lỗi sai trong việc dịch các cụm danh từ

a. Lỗi dùng sai định ngữ đi với danh từ chính

Loại lỗi sai	Dịch sai	Dịch đúng
Tính từ ghép không phù hợp “ <u>Sự phát triển kinh tế xã hội</u> ”	<u>Social - economic development</u>	<u>Socio-economic development</u>
Phân động từ không đúng dạng thức “ <u>Các doanh nghiệp xuất khẩu</u> ” “ <u>Các nước kém phát triển</u> ”	<u>Export firms</u> <u>Underdeveloped countries</u>	<u>Exporting firms</u> <u>Underdeveloped countries</u>
Dùng sai danh từ ở sở hữu cách “ <u>Mức sống của người Nhật</u> ”	<u>The Japanese's living standards</u>	<u>The Japanese people's living standards</u>
Dùng sai danh từ làm định ngữ “ <u>Chính phủ Việt Nam</u> ” “ <u>Kênh phân phối cho ngành công nghiệp rượu</u> ”	<u>Vietnam's government</u> <u>Distributing channels for the wine industry</u>	<u>The Vietnamese government</u> <u>Distribution channels for the wine industry</u>
Dùng phân từ đuôi -ing và -ed không chính xác “ <u>Một khoản vốn đầu tư khoảng 59 tỉ đô la</u> ”	<u>An investment capital making up 59 billion US dollars.</u>	<u>An investment capital of about 59 billion US dollars.</u>
Dùng sai danh từ làm định ngữ “ <u>Các năng lực và nguồn lực doanh nghiệp</u> ” “ <u>Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp</u> ”	<u>Organization resources and capabilities</u> <u>Agriculture and industry production</u>	<u>Organizational resources and capabilities</u> <u>Agricultural and industrial production</u>

b. Lỗi dùng sai tính từ bổ nghĩa cho danh từ chính

Khi biên dịch, sinh viên vẫn còn mắc lỗi sai với cấu tạo của tính từ đi với danh từ

chính trong cụm danh từ. Sinh viên dịch cụm danh từ “*trong những tình huống có sự thay đổi nhanh chóng và khó lường*” là “*in situations of rapid and inpredictable change*”, họ đã dùng sai cấu tạo của tính từ “*predictable*”, trong trường hợp này sinh viên phải dùng tính từ “*unpredictable*” mới chính xác. Dịch đúng: “*in situations of rapid and unpredictable change*”. Ngoài ra, sinh viên còn mắc lỗi dùng tính từ bỏ nghĩa cho danh từ không đúng, chẳng hạn: “*Cơ sở hạ tầng yếu kém*” hay “*Ảnh hưởng xấu đối với môi trường*” được dịch: “*bad/ weak infrastructure*” hay “*bad effect on the environment*”. Tính từ “*bad*” thường mang ý nghĩa tiêu cực nên ít khi được sử dụng, vì vậy, khi dịch cần chú ý tránh dùng tính từ này trong các trường hợp trên. Dịch đúng: “*Poor infrastructure*” và “*harmful/ adverse effect on the environment*”.

c. Lỗi dùng sai mạo từ

Mạo từ là loại từ thuộc phần bổ nghĩa trước của danh từ chính trong cụm danh từ tiếng Anh, nó là từ hạn định (determiner) thường được sử dụng trước các danh từ xác định. Tuy nhiên, trong tiếng Việt không có loại từ tương ứng nên sinh viên mắc loại lỗi này khá thường xuyên, thường dịch thiếu mạo từ “*the*” trong các cụm danh từ. Các cụm danh từ như “*khối lượng xuất nhập khẩu*”, “*chính phủ Việt Nam*”, “*Ngân hàng Thế giới*”, sinh viên thường dịch thiếu mạo từ “*the*”: “*volume of exports and imports*”, “*Vietnamese government*” và “*world bank*”. Dịch đúng: “*the volume of exports and imports*”, “*the Vietnamese government*” và “*the World Bank*”. Bên cạnh đó, sinh viên còn dùng mạo từ “*the*” không đúng trong trường hợp xác định như: “*các doanh nghiệp đã cố gắng hết sức mình*” được dịch là “*Businesses have tried the best*”

chưa chính xác. Dịch đúng: “*Businesses have tried their best*” bởi vì dùng từ “*their*” ở đây là chỉ các doanh nghiệp.

d. Lỗi dùng sai trật tự từ

Lỗi dùng sai trật tự từ trong cụm danh từ là loại lỗi không phổ biến vì sinh viên nắm khá chắc vị trí của các loại từ, tuy nhiên một số ít sinh viên vẫn mắc lỗi này khi phải dịch bài báo Việt - Anh trong áp lực thời gian làm bài. Một ví dụ điển hình như: “*trên đà hội nhập vào khu vực và quốc tế*” được sinh viên dịch: “*on the way of integration into regional and international*”, sinh viên đã đảo ngược vị trí của tính từ ra phía sau danh từ mà trong tiếng Anh, tính từ được sử dụng đứng trước danh từ để bỏ nghĩa cho nó. Dịch đúng: “*on the way of regional and international integration*”.

4.2.2. Lỗi dùng cụm danh từ đi với các giới từ

Đối với lỗi sử dụng giới từ nói chung có thể thấy sinh viên mắc các loại lỗi phổ biến sau:

a. Lỗi dùng sai bổ ngữ cho giới từ

Sau giới từ thường là các danh từ hoặc phân từ hiện tại (V-ing) đóng vai trò là bổ ngữ nhưng sinh viên vẫn nhầm lẫn khi dịch văn bản dùng tính từ và động từ nguyên mẫu (xem ví dụ 1).

b. Lỗi dùng giới từ không phù hợp với bổ ngữ giới từ

Sử dụng giới từ đúng cũng là một trong những khó khăn lớn đối với những người học tiếng Anh bởi cách sử dụng của chúng khá đa dạng, đòi hỏi sinh viên phải có trí nhớ tốt mới sử dụng chính xác được. Khi dịch văn bản từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích, sinh viên mắc lỗi giới từ khá thường xuyên, các lỗi cụ thể như dùng sai

Ví dụ 1:	
“dẫn đến hiệu quả thấp trong việc chuyển đổi”	Lỗi dịch: “...resulting <u>in</u> low <u>efficient</u> in transforming...” (dùng tính từ “efficient” sau giới từ “in” không đúng => danh từ “efficiency”) Dịch đúng: “...resulting <u>in</u> low <u>efficiency</u> in transforming...”
“quan trọng trong việc quyết định thành công của doanh nghiệp xuất khẩu”	Lỗi dịch: “...to be important <u>in</u> <u>determine</u> export venture’s success...” (sau giới từ “in” phải dùng phân từ hiện tại “determining” mới chính xác) Dịch đúng: “...to be important <u>in</u> <u>determining</u> export venture’s success...”

performance. Từ *performance* phải đặt sau các danh từ: *export channel performance* trong kết hợp với danh từ *differences*.

Dịch đúng: “A better understanding of export channel performance differences.”

VD2: “Tình trạng thiếu hụt và khan hiếm nguồn vốn FDI

giới từ sau động từ và tính từ, dùng sai giới từ đi với cụm danh từ:

Ví dụ:	
“Một mô hình quan trọng trong lĩnh vực xuất khẩu...”	Lỗi dịch: “An important model <u>of</u> the area of exports...” Dịch đúng: “An important model <u>in</u> the area of exports...”
“Với sự tăng trưởng mạnh về doanh thu từ rượu...”	Lỗi dịch: “With a significant growth <u>about</u> wine sales...” Dịch đúng: “With a significant growth <u>in</u> wine sales...”
“Sau năm năm thực hiện.....”	Lỗi dịch: “ <u>Through</u> five years of implementing...” Dịch đúng: “ <u>After</u> five years of implementing...”

toàn cầu”.

Lỗi dịch: “Lack of FDI capital resource and scarcity of FDI capital resource globally.”

Sinh viên mắc lỗi dịch dài dòng và sai khi dùng trạng từ *globally* không đúng với chức năng thông thường của nó. Khi ở vai trò bổ nghĩa cho danh từ *lack* và *scarcity* thì phải là tính từ đứng trước nó hay một giới từ đứng sau nó. Danh từ ghép ở đây đúng sẽ là: *The global shortage and scarcity of FDI capital resource*.

b. Lỗi dùng sai các từ bổ nghĩa cho các danh từ trong kết hợp cụm danh từ phức (complex noun phrases)

VD1: “Thu thập thông tin và kiến thức từ thị trường quốc tế”.

Lỗi dịch: “Obtain information from international markets and knowledge.”

Với cụm danh từ này, sinh viên mắc lỗi ở phần bổ ngữ phía sau danh từ chính “from international markets”. Cụm giới từ này phải bổ nghĩa cho cả danh từ *knowledge* và cụm đúng phải là: “Obtain information and knowledge from international markets.”

VD2: “Khả năng riêng của mình để nhận ra giá trị của thông tin và kiến thức”.

4.2.3. Lỗi trong kết hợp các cụm danh từ với nhau

Sinh viên thường mắc các lỗi này khi sử dụng các cụm danh từ kết hợp với nhau, nghĩa là khi kết hợp hai hay nhiều cụm danh từ với nhau.

a. Lỗi dùng sai các danh từ chính khi thực hiện kết hợp

VD1: “Hiểu rõ hơn về sự khác biệt trong hiệu suất của kênh xuất khẩu”.

Lỗi dịch: “A better understanding of export performance, channel differences.”

Ở đây lỗi do đặt sai vị trí của từ

Lỗi dịch: “*Its own capable to recognize the value information and knowledge.*”

Sinh viên dùng sai cụm danh từ *information and knowledge* trong vị trí bổ nghĩa cho danh từ. Sau danh từ phải có giới từ *of information and knowledge*. Ngoài ra, tính từ *capable* là không đúng, ta phải dùng danh từ của nó là *capability*. Ngữ danh từ đúng ở đây sẽ là: “*Its own capability to recognize the value of information and knowledge.*”

VD3: “*Sự đóng góp của các cơ quan, tổ chức các cấp và của đa số người dân.*”

Lỗi dịch: “*The contribution of agencies and organization at all levels and a majority of population.*”

Lỗi trong cụm danh từ trên nằm ở từ *organization* dùng ở số ít không đúng và giới từ *at* ở cụm *at all levels* bổ nghĩa cho cả *agencies* và *organizations* phải được tách biệt với cụm danh từ đứng sau. Vì vậy, cụm danh từ này cần được cấu tạo lại cho phù hợp: *the contribution made by agencies and organizations of all levels and by a majority of population.*

Các lỗi tương tự thuộc phần này còn nhiều, trong đó có cả lỗi chính tả và lỗi dịch chưa chính xác trong một số trường hợp. Nhưng do điều kiện bài viết có hạn nên tác giả không thể liệt kê hết ở đây mà chỉ nêu một số lỗi điển hình.

4.3. Một số giải pháp giảm thiểu lỗi chuyển dịch cụm danh từ

Với kết quả nghiên cứu trên có thể thấy, sinh viên năm thứ 3 mặc dù có năng lực tiếng Anh và kiến thức kinh tế khá tốt nhưng vẫn mắc phải các lỗi liên quan đến cú pháp khi chuyển dịch cụm danh từ trong các văn bản hay tạp chí kinh tế thương mại.

Để khắc phục các lỗi này, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

Đối với sinh viên:

- Sinh viên cần chú trọng đến sự khác biệt về cấu tạo cụm danh từ giữa hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt để thận trọng khi sử dụng trong kỹ năng viết hay dịch văn bản.

- Khi được giáo viên sửa lỗi viết hay dịch văn bản, sinh viên cần nhận thức nghiêm túc về các lỗi thường mắc và có ý thức sửa lỗi để tránh mắc lỗi trong viết và dịch văn bản sau này.

- “Practice makes perfect” (Thực hành nhiều tạo nên sự hoàn hảo), vì vậy, sinh viên cần có sự luyện tập dịch các văn bản hành chính hay các bài báo, bài tạp chí liên quan đến lĩnh vực kinh tế thương mại thường xuyên để quen với văn phong viết của các loại văn bản này.

Đối với giáo viên:

- Khi giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên, ngay từ đầu giáo viên cần đặc biệt lưu ý và quan tâm đến người học về việc sử dụng các cụm từ, trong đó có cụm danh từ, thì có thể hạn chế được việc mắc lỗi.

- Đối với học phần ngữ pháp tiếng Anh nâng cao, giáo viên cần chú trọng đến các nội dung cấu trúc của các cụm từ, đặc biệt là cụm danh từ. Khi sinh viên hiểu sâu về cấu tạo của cụm danh từ, họ sẽ thận trọng hơn khi dịch cụm danh từ trong các loại văn bản và trong kỹ năng viết và như vậy sẽ dần hạn chế việc mắc lỗi

- Đối với học phần biên dịch, giáo viên cần giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt cần yếu gây ra hiện tượng chuyển di tiêu cực giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ. Khi sinh viên nắm được những khác biệt

đó, họ sẽ thuận lợi hơn trong quá trình thu đặc ngôn ngữ đích là tiếng Anh. Đồng thời, giáo viên cần chữa lỗi một cách chi tiết cho sinh viên và yêu cầu sinh viên thực hành nhiều để tránh mắc lỗi.

5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu trên có thể thấy, khi chuyển dịch cụm danh từ trong các bài tập chỉ kinh tế thương mại từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, sinh viên năm thứ 3 Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại vẫn còn mắc lỗi cơ bản về cú pháp mặc dù họ đã có trình độ tiếng Anh và kinh tế tương đối tốt. Sinh viên mắc các lỗi liên quan đến cú pháp như: lỗi sai dùng định ngữ đi với danh từ chính, lỗi dùng sai tính từ bổ nghĩa cho danh từ chính, lỗi dùng sai mạo từ, trật tự từ, lỗi dùng sai giới từ đi với cụm danh từ, lỗi sai khi dùng kết hợp các cụm danh từ với nhau và nhiều lỗi khác.

Để khắc phục được các lỗi chuyển dịch cụm danh từ Anh - Việt và Việt - Anh, cả giáo viên và sinh viên cần hiểu được nguyên nhân mắc lỗi, bao gồm cả nguyên nhân khách quan nằm ở chính sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ và nguyên nhân chủ quan từ phía sinh viên, đó là họ chưa chăm chỉ học hỏi để tìm hiểu sâu tại sao họ mắc lỗi và khắc phục chúng. Đối với những lỗi thuộc về ngôn ngữ, giáo viên có thể nhấn mạnh sự khác biệt nào giữa hai ngôn ngữ có thể gây lỗi cho sinh viên và hướng dẫn họ cách sửa. Với những lỗi không thuộc về ngôn ngữ mà từ phía bản thân sinh viên,

giáo viên khuyến khích sinh viên luyện tập và có sự kiểm tra thường xuyên để đánh giá sự tiến bộ, từ đó sinh viên học hỏi được từ giáo viên và tự hoàn thiện kỹ năng biên dịch của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Hữu Mạnh, *Đối chiếu danh ngữ tiếng Anh - tiếng Việt trên các bình diện ngữ pháp - ngữ nghĩa - ngữ dụng*, Đề tài nghiên cứu cấp Đại học Quốc gia, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
- [2] Aarts, B., *English Syntax and Argumentation*, Macmillan Press Ltd., London, 1997.
- [3] Aarts, J., & Aarts, F., *English Syntactic Structures: Functions and Categories in Sentence Analysis*, Prentice Hall, New York, 1988.
- [4] Brown, H. D., *Principles of Language Learning and Teaching*, Prentice Hall, New Jersey, 1994.
- [5] Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., & Snow, M. A., *Teaching English as Second or Foreign Language*, 4th Edition, Heinle Cengage Learning, Boston, 2014.
- [6] Gomez, I. P., *Nominal modifiers in noun phrase structure: evidence from contemporary English*, Master Thesis, Universidade de Santiago de Compostela, 2009.
- [7] Greenbaum, S., & Quirk, R., *A student's grammar of the English language*, Longman, Harlow, 2007.
- [8] Jonsson, A. A., *Syntactic analysis of L2 learner language: Looking closer at the Noun Phrase*, Master Thesis, Uppsala University, 2010.
- [9] Kirkman, A. J., *Good Style for Scientific and Engineering Writing*, Pitman Publishing Limited, London, 1980.